



## Sài Gòn Năm Xưa...

BS. Trần Ngọc Quang

Tôi sinh ra tại nhà bảo sanh của Bác Sĩ Lâm Văn Bồn số **205 đường Frère Louis**, gần chợ Thái Bình thuộc Quận 3 thuở đó của Đô Thành Sài Gòn, vào thời Đông Dương sắp vào chiến lửa binh đao, chín

tháng trước khi Trân Châu Cảng chìm trong khói lửa, lúc đó Việt Nam còn là một thuộc địa của Pháp Quốc và nhiều đường Sài Gòn mang tên Pháp.

Tôi lớn lên tại Sài Gòn, tại số 148 **đường Colonel Boudonnet** dọc theo đường rầy xe lửa, sau này đổi tên là Lê Lai tới nay, đường lấy tên của Đại Tá Théodore Boudonnet thuộc Sư Đoàn 2 Bộ Binh Thuộc-Địa và Tư lệnh Sư Đoàn Bộ Binh An Nam, tử trận bên Pháp hồi 1914. Mặt đất đường này thấp hơn các đường Frère Louis, Phan Thanh Giản và Frères Guillerault nên mỗi khi mưa lớn là đường bị ngập: “nhờ vậy” mà sau khi tạnh mưa, dọc theo bức tường ngăn đường rầy và đường lộ những con đê từ đất chui ra hang để khỏi bị ngập, nên tôi đi bắt đến khuya mới về ít lắm là ba bốn con và thường bị mẹ tôi quở trách.

Sau khi “chạy giặc” hồi 1945 vì máy bay đồng minh oanh tạc nhà ga và đường rầy xe lửa để chặn tiếp tế cho quân Nhật, gia đình tôi trở về sống tạm trước Nhà thờ “Huyện Sĩ” đường **Frères Guillerault** và năm sau rồi dọn trở về lại hẻm 176/11 đường Colonel Boudonnet.

Nhà thờ Huyện Sĩ xây cất năm 1905, ông là người giàu có vùng Gò Công, tên thật là Lê Phát Đạt và là Ông ngoại của Nam Phương Hoàng Hậu, vợ của Hoàng Đế Bảo Đại. Gần nhà thờ Huyện Sĩ có hai đường mang tên Frère nhưng nếu Frère Louis là để tưởng nhớ đến Thầy Louis Gaubert lập ra trường Tabert, đường Frères Guillerault (có chữ “S” sau Frères) là để tưởng nhớ đến hai anh em Roland và Léon Guillerault sinh trưởng tại Sài Gòn và tử trận trong Đệ Nhứt Thế Chiến bên Pháp.



Trong lúc “tản cư” tôi đi học lớp chót trường làng tại quận Hóc Môn và vì một sự tình cờ mà Ba tôi ghi cho tôi học tiếp miễn phí lớp “Douzième” **trường Chasseloup-Laubat**, thay vì Petrus Ký như Ba tôi. “Trường Chasseloup” xây cất trong ba năm nơi rạp hát bội của Tả Quân Lê Văn Duyệt, lúc đầu mang tên Collège Indigène de Saigon, nhưng khi khánh thành năm 1877 thì đổi lại là Collège Chasseloup-Laubat và từ 1928 trở thành Lycée có nghĩa là luyện thi đến lớp Tú Tài, mang tên của Hầu Tước Justin De Chasseloup Laubat, Bộ Trưởng Bộ

Hải Quân và Thuộc Địa dưới thời Napoléon III, người quyết tâm chiếm và giữ Nam Kỳ. Hồi 1946 quân đội Pháp mới trở lại Việt Nam nên ít có gia đình và trẻ con Pháp sống tại Sài Gòn nên dư giáo viên mà thiếu học trò!

Lớp 12è niên khoá 1946-1947 trai và gái học chung tại Collège Calmette gần đó, sau đó vài năm trường này đổi tên là Lycée Marie Curie cho đến ngày nay. Tôi còn nhớ lúc ra về tôi chạy nhanh ra cổng, không phải để tìm Ba tôi, thường người ra sở trễ và đi xe đạp từ “Toà Tân Đáo” (Sở Ngoại Kiều) ở **đường Georges Guynemer** dưới Chợ Cũ lên rước tôi, mà là để tranh thủ thời gian để cạo mũ cao su! Thật vậy, giữa trung tâm thành phố Sài Gòn không hiểu ông Tây nào có ý kiến trồng cây cao su theo hai bên **đường Jauréguiberry** cho có bóng mát? Bernard Jauréguiberry là một Đê Đốc Pháp đã đánh vào Đà Nẵng và chiếm thành Gia Định, về sau giữ chức Thượng Nghị Sĩ và Bộ Trưởng Bộ Hải Quân, mà tại sao lại đặt tên cho một đường nhỏ bên hông trường Calmette Nhưng dù sao đi nữa những cây cao su đó, sau khi lấy đá đập vào vỏ thì chảy ra mũ trắng rất nhiều. Tôi trét mũ ấy trên cặp táp da của tôi rồi khi mũ khô thì cuốn tròn quanh một cục sỏi và ngày qua ngày trở thành một trái banh nhỏ.

Như vậy tôi thuộc vào thành phần “*Nam Kỳ chánh cống*” và “*dân Sài Gòn một trăm phần trăm*”, lớp tuổi gần 70 và sống tại Saigon trong 34 năm. Những bạn lớn hơn tôi vài tuổi và những



bạn gốc “*Bắc trước năm mươi tư*” mới biết tên đường cũ như tôi, các bạn khác ráng mà tìm các tên trong trang sau cùng! Không phải tôi bị “tây hóa” nên không chịu dùng tên Việt Nam, nhưng các tên đường cũ đã khắc sâu vào trí nhớ tuổi thơ của tôi, hơn nữa lúc trẻ tôi hay tìm tòi trong tự điển Larousse coi ông này là ai mà họ đặt tên đường, sau thế hệ của chúng tôi, ít còn ai nhớ đến tên những con đường Sài Gòn năm xưa...

Mẹ tôi có thuê một cyclo để đi làm và đưa tôi đi học tại trường Chasseloup, “Chú Ba Xích Lô” mỗi ngày chạy ra phía nhà ga Sài Gòn theo **đường Colonel Boudonnet**, sau khi qua rạp hát Aristo, nay là New World Hotel, quẹo trái qua **đường Chemin des Dames** và băng qua **đường Lacote** (chớ không phải Lacotte, Moïse Lacote là cựu Trưởng Ban Hành Chánh vùng Gia Định và Giám Đốc Thuế Vụ Nam Kỳ vào năm 1896) hoặc theo đường Amiral Roze (người đã từng tấn công Nam Hàn) để đi thẳng tới đường Gia Long, tên của **đường La Grandière** vào khoảng ấy (Đề Đốc Pierre De La Grandière thay thế Đề Đốc Bonard là một trong những Thống Đốc đầu tiên của Nam Kỳ, Ông tự động đi chiếm xứ Cambodge năm 1863 mà không có lệnh của Hoàng Đế Napoléon III và cũng chính Ông đã chiếm ba tỉnh miền Tây năm 1867 làm cho Cự Thống Tướng Phan Thanh Giản phải đầu hàng và sau đó tự vận, dưới thời Đề Đốc De La Grandière Sài Gòn phát triển mạnh mẽ).

Chú Ba Xích Lô xuyên qua vườn “Bờ Rô” để có bóng mát rồi ra **đường Larégnère**, sau này là đường Đoàn Thị Điểm. Tôi không biết tại sao người ta kêu công viên đó bằng tên ấy, có thể là phiên âm của chữ “préau” (sân lót gạch) nhưng theo học giả Trần Văn Xương thì do Ông “Moreau”, tên của người quản thủ Pháp đầu tiên chăm nom vườn này; trước các người lớn tuổi còn gọi là “vườn Ông Thượng”, có thể là vì trước kia Tả Quân Lê Văn Duyệt là người tạo ra vườn này. Dưới thời Pháp thuộc vườn “Bờ Rô” nằm trong khu đất của dinh Thống Đốc nhưng vào năm 1869 Phó Đề Đốc Hector Ohier, người thay thế Đề Đốc De La Grandière, cắt chia đất và tặng thành phố vườn này mang tên Parc Maurice Long.

Mười năm sau **đường Miss Cavell** được tạo ra, lúc đó mang tên **rue de la Pépinière**, để biệt lập với dinh Thống Đốc mà sau này là Palais Norodom và sau 1954 trở thành Dinh Độc Lập rồi Dinh Thống Nhất sau 1975. Cũng có thể tên “Ông Thượng” là Ông Ohier, có tên đường dưới chợ cũ, nhưng tới đời tôi chỉ gọi vườn đó là “**vườn Bờ Rô**”, sau này mang tên vườn Tao Đàn. Ra vườn Bờ Rô gặp đường Chasseloup-Laubat rồi đi thẳng trên **đường Larégnère**, sau đó tới **đường Testard**: hai tên này ở gần nhau cũng đúng vì Trung Tá Bộ Binh Jules Testard và Thiếu Úy Hải Quân Etienne Larégnère, 31 tuổi (chớ không phải Lareynière hay Laraignère) tử vong cùng một trận đánh ác liệt tại Đồn Kỳ Hòa, ở vùng trường đua Phú Thọ, giữa lực lượng của Thống Tướng Nguyễn Tri Phương và Đô Đốc Victor Charner năm 1861. Ai cũng biết đường Chasseloup-Laubat, một đường chiến lược rất dài đi từ Chợ Lớn, từ đường 11è R.I.C (Régiment d’Infanterie Coloniale) đến Thị Nghè, sau 1955 đường này đổi tên là Hồng Thập Tự.



Đi thẳng đến **đường Testard**, chú Ba quẹo mặt và bỏ tôi xuống ở góc **đường Barbé** vì học sinh vào trường Chasseloup bằng cửa sau. Góc đường này sẽ liên hệ nhiều với tôi sau này khi tôi trở thành sinh viên y-khoa. **Đường Barbé** (chớ không phải Barbet) có từ lâu và mang tên của Đại Úy Nicolas Barbé thuộc Sư Đoàn 3 Thủy Quân Lục Chiến Pháp bị Ông Trương Định cho tên Nguyễn Văn Sát ám sát vào năm 1860 gần chùa Khải Tường, nơi vua Minh Mạng sanh ra năm 1791 lúc Nguyễn Ánh chạy loạn vào miền nam để tránh anh em Tây Sơn. Chùa này do Nguyễn Ánh sau khi trở thành vua Gia Long ra lệnh xây cất để tạ ơn Phật Trời đã che chở cho con trai là Nguyễn Phúc Đảm (vua Minh Mạng sau này), sau đó chùa được lập làm đền chống Pháp nên bị lính Pháp phá dẹp hồi 1880, pho tượng Phật hiện còn lưu niệm trong Viện Bảo Tàng Sài Gòn, trong Sở Thú. Trên nền chùa bỏ hoang này về sau có cất lên một biệt thự lầu lớn kiểu Âu-Châu tại số 28 đường Testard mà Bà Bác Sĩ Henriette Bùi (con gái thứ ba của Ông Bùi Quang Chiêu) mượn lại của người chủ là một luật sư người Pháp làm dưỡng đường sản-phụ khoa vào thập niên 1940. Ông Bùi Quang Chiêu (1872-1945) là kỹ sư canh nông Việt Nam đầu tiên tốt nghiệp bên Pháp năm 1897 và bị Trần Văn Giàu (phong trào Việt Minh) ám sát cùng ba người con trai vào tháng 9 năm 1945. Còn Bà Henriette Bùi Quang Chiêu sanh năm 1906 là người đàn bà Việt Nam đầu tiên tốt nghiệp y-khoa bác sĩ tại Paris năm 1929, nay Bà đã 103 tuổi và hiện còn minh mẫn và sống tại ngoại ô Paris: Bà kể lại rằng vào năm 1943 nhà này được bán lại cho một người Do Thái tên là



David chủ của nhiều biệt thự tại Sài Gòn; vào đầu năm 1945 chánh phủ Pháp trưng dụng nhà này và cho Bà thuê một biệt thự khác ở đường Blancsubé để dời dưỡng đường đến đây. Tháng 3 năm 1945 Nhật đảo chánh Pháp và tịch thu căn villa này, và khi Pháp trở lại thì trao cho Viện Đại Học Sài Gòn để rồi năm 1947 nơi này trở thành chi nhánh của Đại Học Y-Dược Khoa Hà Nội rồi năm 1954 thành Đại Học Y-Dược Khoa Saigon, nơi tôi được đào tạo trong sáu năm với GS Phạm Biểu Tâm làm Khoa Trưởng. Nơi đây kỷ niệm này nay là Bảo Tàng chứng tích chiến tranh.

Lớn lên tôi đi xe đạp về một mình nhưng thích đi theo **đường Testard** hơn vì có bóng mát dưới hàng cây me, song song với **đường Richaud** (sau đổi lại đường Phan Đình Phùng) và thường ghé biệt thự số 6 **đường Eyriaud des Vergnes** (sau là Trương Minh Giảng) chơi với một bạn học cùng lớp, nhất là vào mùa các cây trứng cá có trái. Ông Etienne Richaud là một Toàn Quyền Đông Dương hồi cuối thế kỷ XIX, còn Ông Alfred Eyriaud Des Vergnes người gốc Châteauroux là Kỹ Sư Trưởng Nha Công Chánh Nam kỳ (Cochinchine), Ông là một thần đồng tốt nghiệp trường Polytechnique tại Paris lúc 17 tuổi sau đó học trường Ponts et Chaussées, ra lệnh lấp kinh Charner, tạo hệ thống cống dài 7 km, cất 12 cầu theo “Kinh Tàu” (Arroyo chinois nối liền với rạch Bến Nghé chảy ra sông Sài Gòn). Ông Eyriaud Des Vergnes là người đầu tiên có ý lập ra đường sắt tại Việt Nam chạy lên Cambodge nhưng kế hoạch không thành, về sau nhờ Kỹ Sư Thévenet Giám Đốc Nha Công Chánh Nam Kỳ và sự hỗ trợ của Cố Vấn chánh phủ Paul Blanchy mà Việt Nam có đường sắt đầu tiên đi từ Sài Gòn đến Mỹ Tho năm 1885. Hai người này cũng có tên đường và sau 1955 đổi lại là Tú Xương (**Thévenet**) và Hai Bà Trưng (**Paul Blanchy**).



Sau khi qua **đường Pierre Flandin** (tên của một “đứa con” của Sài Gòn tuy sanh tại vùng Vaucluse và tử trận tại Noyon, tỉnh Oise, miền bắc nước Pháp vào năm 1917), đến cuối đường gặp rạp hát Nam Quang (nay vẫn còn), tôi quẹo trái ra **đường Verdun** (khoảng đó tên là đường Thái Lập Thành), đến ngã sáu Sài Gòn thì tôi lại đi qua **đường Frère Louis** để về nhà bằng **đường d’Ypres** cho vắng xe. Đường nhỏ này ở sau “Mả Lá Gấm”, đúng hơn là của Ông Mathieu Lê Văn Gấm, có bức tượng trong nhà thờ Huyện Sỹ, tử đạo thời vua Thiệu Trị vì bị hành hình lồi năm 1847, mà đó nay vẫn còn nguyên tuy bị che khuất, và Ypres là tên một thành phố nhỏ bên vương quốc Bỉ, như thành phố Dixmude, nơi đã xảy ra những trận đánh lớn hồi Đệ Nhất Thế Chiến.

Đi xích lô mỗi ngày như vậy hoài cũng chán nên tôi thường đề nghị với Chú Ba đi về bằng ngã khác, thưở ấy đường phố ít xe hơn bây giờ vì Sài Gòn và Chợ Lớn không hơn một triệu dân cư. Tôi thích nhất đi về nhà qua chợ Sài Gòn: Chú Ba tránh đường **Mac Mahon** (sau 1952 đoạn này lấy tên **De Lattre de Tassigny** và sau đó là Công Lý), đi đường **Barbé** và một đoạn **đường Chasseloup-Laubat**, rồi quẹo trái qua đường **Miss Cavell** với hàng cây cao bên hông Cercle Sportif Saigonnais (tên không phải viết Cawell hay Cavel: Edith Cavell là một nữ y-tá người Anh bị quân Đức xử bắn tại Bỉ vào năm 1915 lúc 50 tuổi vì giúp tù binh Anh, Bỉ và Pháp trốn qua Hòa Lan) để trở ra đường **Aviateur Garros** rồi xuống chợ Sài Gòn, nơi bán nhiều trái cây (Roland Garros là phi công Pháp đầu tiên bay xuyên biển Méditerranée hồi 1913 và tử trận năm 1918).

Rồi cứ đi theo mãi đường **d’Espagne** (sau là Lê Thánh Tôn) vì vào 1859 quân lính Tây-Ban-Nha dưới quyền chỉ huy của các Đệ Đốc Pháp đóng tại đó) để về Ngã Sáu (Phù Đổng) rồi về **Colonel Boudonnet** bằng ngã **Amiral Roze**. Đặc biệt Sài Gòn có rất nhiều tên đường mang tên các trận đánh thời Đệ Nhất Thế Chiến



(**Boulevard de la Somme, Chemin des Dames, đường Verdun, đường Arras, đường Champagne, đường Dixmude, đường Douaumont, Quai de la Marne...**) và tên các đê đốc Pháp vì dưới thời các vua Minh Mạng và Tự Đức tất cả quân Pháp đến Việt Nam bằng tàu thủy mà hai vị có tiếng nhất là Charner và Bonard. Đô Đốc Léopold Victor Charner người vùng Bretagne, gốc Thụy Sĩ là Tổng Tư Lệnh Lực Lượng Hải Quân Pháp tại Đông Nam Á, người đã chiếm Nam Kỳ, còn Đê Đốc Adolphe Bonard (chớ không phải Bonnard) là Thống Đốc đầu tiên của Nam Kỳ do hoàng đế Napoléon III bổ nhiệm vào năm 1861 dưới thời vua Tự Đức.

Vào cuối thế kỷ XIX kinh rộng nhất của Sài Gòn là “Kinh Lớn” hay “**Kinh Charner**” đi từ sông Sài Gòn đến Tòa Thị Sảnh, có hai đường dọc hai bên: đường chạy xuống bờ sông là đường Rigault de Genouilly, đường chạy

lên là đường Charner. Vì mùi hôi thối người Pháp lấp kinh lại sau nhiều năm bàn cãi và khi “đường Kinh Lấp” thành lập thì đương nhiên lấy tên **Boulevard Charner** vào năm 1861 nhưng Ba tôi vẫn gọi là đường Kinh Lấp vào những năm 1930. Trước đó, có một kinh dẫn nước sinh lầy chảy ra Kinh Tàu từ chợ Bến Thành (người Pháp gọi là Les Halles Centrales), theo Học Giả Vương Hồng Sển vì gần rạch Bến Nghé và gần Thành Gia Định, kinh đó mang tên kinh Gallimard. Thiếu Tá công binh Léon Gallimart có dự trận đánh Kỳ Hòa, và đào kinh này vào năm 1861 theo lệnh của Đô Đốc Charner. Kinh này sau khi lấp lại theo ý kiến của kỹ sư Thiếu Tá Bovet năm 1867 lấy tên là **Đại Lộ Bonard**, vì thế đường này mới rộng lớn như ngày nay. Lúc lấp kinh và bến đò họ thành lập một công trường lớn, đó là “Bùng Binh” trước chợ Bến Thành mà người Pháp gọi là **Place Eugène Cuniac**, tên của một Thị Trưởng Sài Gòn, nay vẫn còn tên Công Trường Quách Thị Trang, một nữ sinh thiệt mạng lúc biểu tình dưới thời Ngô Đình Diệm năm 1963. Trước Tòa Thị Xã Sảnh, ở góc đường Charner và Bonard cũng có một bùng binh nhỏ với nước phun lên tên là **Place Francis Garnier**, nay là công trường Lam Sơn, để tưởng nhớ đến một sĩ quan hải quân trẻ tuổi phiêu lưu trên đất bắc và tử thương tại Hà Nội hồi 1873. Nhiều đường khác cũng do lấp kinh mà ra như **Boulevard de La Somme** (rạch Cầu Sáu, sau này là đại lộ Hàm Nghi), **đường Tổng Đốc Phương** (hay Đỗ Hữu Phương), **đường Pellerin** (tên của một Giám Mục đã bênh vực công giáo Việt Nam nhưng khuyên làm Đê Đốc Rigault De Genouilly lúc tấn công Đà Nẵng vào 1858) sau này đường Pellerin lấy tên là Pasteur.



Đường mà tôi thích nhất, sang trọng nhất và có tiếng nhất Sài Gòn là **đường Catinat**, có trước khi người Pháp đến và mang tên một thuyền lớn đã bán đại bác vào Đà Nẵng (chớ không phải tên của một Đê Đốc như nhiều người tưởng, thuyền “Le Catinat” lấy tên của Thống Chế Nicolas de Catinat, sống hồi thế kỷ XVII dưới thời Louis XIV). Nơi đó có rất nhiều tiệm sang trọng, đường phố sạch sẽ và có nhiều “Ông Tây” ngồi uống cà phê tại khách sạn Continental, lúc đó chưa có tiệm Givral và nơi đó là Nhà Thuốc Tây Solirène, thay thế Pharmacie Centrale. Sau này có thêm tiệm Brodard ở **góc đường Catinat và Carabelli**, tên của một Nghị Viên thành phố. Tôi cũng có dịp vô nhà sách **Albert Portail** (nay vẫn còn dưới tên Xuân Thu từ 1955) và đi

dạo trong **Passage Eden** vì trong cùng có rạp hát Eden, rạp này và rạp Majestic ở cuối đường Catinat là hai rạp chiếu bóng sang nhất Sài Gòn vào thuở đó; đi chơi vậy chớ có tiền đâu mà mua đồ, nhiều lắm thì lấy vài tấm hình mà các ông phó nhòm chụp dạo lúc đi trước “Nhà Hát Tây”, cất theo kiểu Opéra bên Paris. Đường Catinat là đường tráng nhựa đầu tiên của Sài Gòn, khi mới tráng người ta kêu là **đường “Keo Su”** dài tới Nhà Thờ Đức Bà ; qua công trường Pigneau de Béhaine trước Bưu Điện có bức tượng Ông “Cha Cả” hay Evêque d’Adran dẫn Hoàng Tử Cảnh ra trình diện Louis XVI tại Versailles. Sau khi qua khỏi **đường Norodom** thì đường Catinat lấy tên của Cố Vấn chánh phủ và Nghị Viên Thị Xã Sài Gòn Blancsubé và tiếp theo công trường Maréchal Joffre với tượng đài chiến sĩ tử vong trong Đệ Nhất Thế Chiến là **đường Garcerie** với những hàng cây cao, sau này mang tên Duy Tân và công trường Quốc Tế hay “Hồ Con Rùa”.



Ba tôi có nhiều bạn người Tàu và thường vô Chợ Lớn chơi bằng xe lửa điện (tramway) mà người ta thường gọi là “xe lửa giữa” vì chạy giữa **đường Gallieni**, tới trạm **gare de Nancy** thì bạn của Ba tôi lên xe lửa đi cùng vì ở gần **thành Ô Ma** (Camp des Mares, sau này là Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia). Tôi còn nhớ xe lửa giữa đó, với ghé cây theo kiểu của Métro xưa bên Paris, chạy thẳng theo đường Gallieni nối liền Sài Gòn với Chợ Lớn. Ba tôi nói lúc trước nơi đây toàn là đất hoang và sinh lầy, sau khi lấp bùng thành đường đất gồ ghề rồi khi Ba tôi xuống Sài Gòn học vào năm 1928 thì đường mới được tráng nhựa và năm sau

điện giăng giữa chia con đường làm hai chiều, một bên chạy lên một bên chạy xuống, đường rầy xe điện đặt trung tâm đại lộ, đến năm 1953 mãn hạn giao kèo khai thác mới đẹp. Đường này mang tên của Thống Chế lừng danh Joseph Gallieni chết năm 1916 nhưng phục vụ ngoài Bắc lúc còn Đại Tá Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh và sách vở ghi công Ông về tổ chức hành chánh tại Đông Dương. Tên của Ông viết với chữ “e” chớ không phải với chữ “é” vì là người gốc Ý Đại Lợi.

Xe điện chạy thẳng vô **đường rue des Marins**, qua khu Đại Thế Giới nay là khu Cát Tường và **đường Jaccario** (vì lúc trước pháo hạm “Le Jaccario” đậu gần đó trên “Kinh Tàu” hay Arroyo chinois trong Chợ Lớn, và chắc lính thủy lên bờ nhiều nên mới gọi là **rue des Marins**), ở góc đường có vũ trường Arc-En-Ciel, sau 1975 đổi tên là nhà hàng và khách sạn Arc-En Ciel Thiên Hồng, đến đường Tổng Đốc Phương thì quẹo qua trái mới đến Bưu Điện Chợ Lớn, nhà ga cuối cùng là **Gare Rodier**, tại Kinh Tàu.

Lúc còn ở **đường Colonel Boudonnet** tôi có nhiều bạn ở khu nhà thờ Huyện Sỹ và thường vô phía sau nhà thờ bắn “giàn thun” trên mấy cây soài nên bị “Ông Từ” rượt nhiều lần! Ngoài đường Frères Guillaerault trước nhà thờ, còn có **đường Duranton** và đường **Léon Combes** mà sau này đổi tên là Sương Nguyệt “Anh”. Trung Sĩ Léon Combes là một đứa con của Sài Gòn ở Giồng Ông Tố bên Cát Lái tử trận năm 1917 tại Craonne, thuộc tỉnh Aisne vùng Picardie phía Bắc Paris. Tôi nhớ, vì học “trường tây” nên tôi thắc mắc và tự hỏi Bà nào mà mang họ Sương mà tôi tìm hoài trong sách vở không thấy? Sau này tham khảo mới biết đó là tên bút hiệu của Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuê (có sách nói là Nguyễn Xuân Khuê), con gái thứ tư của cụ Nguyễn Đình Chiểu, người đàn bà đầu tiên làm Chủ Bút báo “Nữ Giới Chung” cho phụ nữ hồi 1918. Tuần báo này còn tên là Fémina Annamite và tòa soạn ở 13 **đường Taberd**, trong sách kể là Sương Nguyệt ANH (=Góa phụ Nguyệt Anh), nhưng tại sao hồi 1955 họ đổi tên đường Léon Combes thành Sương Nguyệt ANH?

Về sau, gia đình tôi dọn về Chợ Lớn ở **đường Lacaze**, nay là đường Nguyễn Tri Phương, nổi tiếng vì “Mì La Cai”, đường mang tên của Đô Đốc Lucien Lacaze, Bộ Trưởng Bộ Hải Quân từ 1915 đến 1917 hồi Đệ Nhứt Thế Chiến, nhưng chúng tôi ở khúc trên, gần góc **đường Pavie** (nay là Lý Thái Tổ chứ không phải đường 3 tháng 2 vì đường này mới có vào lối 1957, lúc trước là trại lính) dẫn lên trường đua Phú Thọ. Khúc dưới đường mang tên ông Auguste Pavie (lừng danh trên đất Lào) đặc biệt rộng lớn và rất dài, có nhiều cây và bên trong có đường dành cho xích lô và xe đạp. Nếu đi từ Ngã Bảy xuống công trường Khải Định, từ giữa đường này đến **đường Frédéric Drouhet** sẽ thấy những biệt thự mà “Chú Hoả” cất cho con cháu ở (tên thường gọi của Jean-Baptiste Hui Bôn Hoả một triệu phú người Tàu tham gia với chánh quyền tặng thành phố Sài Gòn Policlinique Déjean De La Bâtie, tên của một bác sĩ tận tụy lo cho người Việt Nam, ngoài đường Bonard, sau này trở thành Bệnh Viện Đô-Thành), sau 1954 các nhà này dành cho Ủy Hội Kiểm Soát Quốc Tế Đệ Nhứt Thế Chiến ở và khúc đường này gọi là đường Hui Bôn Hoả.

Lúc đó **đường Pavie** có xe nhà binh pháp chạy nhiều vì có thành lính gần đó và tại khu đường Cây Mai, trước khi tới Phú Lâm. Khu đất từ **đường Lacaze** đến **đường Ducos** (sau đổi là đường Triệu Đà) là đồng mả, đường hẻm tôi ở trước một mả đá lớn, mới phá hồi tháng 11 năm 2004: đó là mả có từ thế kỷ thứ XVIII của một người đàn bà lối 50 tuổi và quan tài thứ nhì chắc là của một người đàn ông, chỉ có vài nữ trang chứ không có vàng bạc chôn theo như người ta tưởng.

Từ **đường Lacaze** đi ra trường Chasseloup Laubat xa hơn, tôi phải đạp xe xuống Ngã Bảy, quẹo trái qua **đường Général Lizé**, rồi đạp thẳng hoài, qua khỏi **đường Verdun** đường này lấy tên **Legrand De La Liraye**.



Qua khỏi trường nữ sinh Gia Long (hồi xưa gọi là Collège des Jeunes Filles Annamites, sau là Trường Áo Tím) và đến tận trường Marie Curie mới quẹo xuống đường Barbé. **Đường Général Lizé** là một đường chiến lược rất dài lúc trước gọi là **đường Hai Mươi**, đi từ Ngã Bảy Chợ Lớn, nối dài **đường Pierre Pasquier**, đến **đường Albert Premier** trên Dakao, lấy tên của Trung Tướng Lucien Lizé, xuất thân từ trường Polytechnique, Paris, Tư Lệnh Pháo Binh chiến trường Ý tử trận hồi 1918, có phục vụ bên Việt Nam lúc còn Đại Tá, còn Legrand De La Liraye là một trong những linh mục thông ngôn cho Đệ Đốc Rigaud De Genouilly và trở thành Thanh Tra phụ trách về các hồ sơ giữa người

Việt và chánh quyền bảo hộ. Sau 1954 đường này đổi thành đường Phan Thanh Giản, một vị anh hùng sáng suốt và can đảm của Việt Nam. **Tiếc thay sau 1975 không còn đường nào trên mảnh đất Việt Nam mang tên anh hùng dân tộc này, cũng như không còn đường vào mang tên Lê Văn Duyệt và cũng không còn trường học nào mang tên Petrus Ký!** Cho tới nay tôi chưa thấy một học giả Việt Nam nào giỏi hơn Petrus Trương Vĩnh Ký, tuy vài “Sử Gia” buộc tội vị này nhiều điều vô lý, họ quên rằng công lao lớn nhất của Ông Petrus Ký là truyền bá cho dân chúng sử dụng chữ quốc ngữ có từ Alexandre de Rhodes vào thế kỷ XVII thay thế chữ Nôm khó học và khó viết. Tôi nghe nói ở Vĩnh Long hiện nay có một trường học mang tên Phan Thanh Giản và vào tháng 11 năm 2008 rạp chiếu bóng Nguyễn Văn Hảo đường Trần Hưng Đạo tại Sài Gòn

đang hát tuồng “Tả Quân Lê Văn Duyệt”, đó là điều đáng mừng vì những vị anh hùng các triều nhà Nguyễn phải được hồi phục.

Hồi thời Pháp thuộc cũng có những tên đường mang tên những anh hùng hay nhân tài Việt Nam như **đường Paulus Cửa** (Đốc Phủ Sứ Huỳnh Tịnh Cửa) trên Dakao, đường Tổng Đốc Phương (Đỗ Hữu Phương) trong Chợ Lớn, **đường Phủ Kiệt** (Đốc Phủ Sứ Trần Văn Kiệt là Nghị Viên thành phố trên 25 năm), **Huỳnh Quan Tiên**, **Nguyễn Văn Đờm** trên Tân Định (cả hai là Nghị Viên Thuộc Địa và Nghị Viên Thành Phố), **Nguyễn Tấn Nghiệm** (Nghị Viên), và **Trương Minh Ký**, một trong những Nghị Viên đầu tiên của thành phố, ông này tên thật là Trương Minh Ngôn cháu bốn đời của **Trương Minh Giảng**, được ông Trương Vĩnh Ký đem về nuôi và đổi tên, cho đi Pháp học và là một trong những người sáng lập viên ra Trường Thông Ngôn (Ecole des Interprètes) nằm trong Tòa Án, nhờ làm thông dịch viên lúc Traité de Patenôtre năm 1884 nên được vô quốc tịch Pháp, người mất lúc 55 tuổi vì bệnh lao phổi.



Vị anh hùng Đại Úy phi công của quân đội Pháp, xuất thân từ trường Võ Bị Saint-Cyr và là cựu sĩ quan Lê Dương mang tên **Đỗ Hữu Vị** có tên trên một đường từ bùng binh chợ Bến Thành đến **đường Charner**, trước đó đường này mang tên **Hamelin** sau này đổi lại là Huỳnh Thúc Kháng. Đại Úy Vị là con thứ năm của Tổng Đốc Đỗ Hữu Phương, sau khi học trung học tại trường nổi danh Janson De Sailly tại Paris, nhập học vô trường Saint-Cyr vào năm 1904. Trung Úy bên Bắc Phi, ông gia nhập vào binh chủng Không Quân vừa thành lập ; bị thương nặng Đại Úy Vị từ chối giải ngũ và trở về đơn vị Lê Dương và tử thương tại mặt trận tỉnh Somme năm 1916. Hài cốt được người anh cả là Đại Tá Đỗ Hữu Chấn đem về chôn cất trong nghĩa trang gia đình

tại Chợ Lớn.

Sài Gòn mất nhiều di tích ngày xưa, vì chiến tranh và vì sự thay đổi thời cuộc, tôi tiếc nhất là hồi tháng ba năm 1983 đã sang bằng “Lăng Cha Cả”, có từ 1799 để lập một công trường mà chẳng thấy ai ngồi .... Hai người ngoại quốc đã ảnh hưởng Việt Nam nhiều nhất là Alexandre de Rhodes và Pierre Joseph Pigneau de Béhaine, được dân Việt Nam biết dưới tên Bá Đa Lộc hay Evêque d’Adran, người đã giúp Nguyễn Ánh lên ngôi, đi với Hoàng Tử Nguyễn Phúc Cảnh qua triều đình vua Louis XVI để ký Hiệp Ước Versailles năm 1787. Tên thật là Pigneau, sau đó thêm vô sau tên ấp Béhaine của làng Origny-en-Thiérache mà gia đình có phần đất, thuộc tỉnh Aisne, trong vùng Picardie ở miền bắc nước Pháp. Vua Gia Long cất một ngôi nhà ở số 180 đường Richaud cho Bá Đa Lộc (nay vẫn là Tòa Tổng Giám Mục đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3) và đọc diếu văn khi người mất năm 1799. Mộ ông người Sài Gòn gọi là Lăng Cha Cả là một trong những di tích xưa nhất của Sài Gòn “ở Gia Định” vào thời Gia Long, sau này ở trước trại Phi Long trên Tân Sơn Nhất. Cốt của Cha Pigneau de Behaine được đem về Pháp năm 1983 và chôn trong **nhà thờ Séminaire des Missions Etrangères**, rue du Bac tại quận XV Paris.... luôn cả những ngôi mộ bên Ai Cập có trước nền văn hóa của Hy Lạp **và tiếc rằng xứ tôi không biết giữ gìn những kho tàng quý giá của lịch sử.**

BS. Trần Ngọc Quang